

Bản án số: 380/2022/DS-PT

Ngày: 14 - 6 - 2022

V/v: “*Tranh chấp về di sản thừa kế và tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Minh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Hoàng Minh Thịnh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh - Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 238/2021/TLPT-DS ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp về di sản thừa kế và tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2164/2022/QĐPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Bùi Kim K, sinh năm 1972;

2. Ông Bùi Thành D, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1985; địa chỉ: thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 06/5/2020); có mặt.

- Bị đơn: Vợ chồng ông Lê Quốc T, sinh năm 1968 và bà Ngô Thị E, sinh năm 1966; cùng địa chỉ: thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Có mặt;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Lại Thị Thu H;

Địa chỉ: thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Hữu Tuấn M - Luật sư Văn phòng Luật sư Phạm Hữu Tình thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương;

Địa chỉ: thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn L – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Tân Uyên (văn bản ủy quyền ngày 19/8/2020); vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân phường U, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Bà Chế Thị Phương U, sinh năm 1976 (vợ ông Bùi Thành D); địa chỉ: Số 022/C, tổ 1, khu phố 3, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

4. Chị Lê Thị Minh P, sinh năm 1997 (con vợ chồng ông Lê Quốc T và bà Ngô Thị E); địa chỉ: Số 022, tổ 1, khu phố 3, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn – ông Lê Quốc T và bà Ngô Thị E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2017, các đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/3/2018, ngày 08/8/2019, nguyên đơn ông Bùi Kim K, ông Bùi Thành D trình bày:

Cụ Lê Thị Phấn (chết năm 2010) chung sống với cụ Huỳnh Hữu H (chết năm 2013) từ năm 1967 đến năm 1971 có 01 người con chung là ông Lê Quốc T; sau năm 1971, cụ P sống chung với cụ Bùi Văn T (chết năm 2005) có 02 con chung là ông Bùi Kim K và ông Bùi Thành D.

Ngoài những người con nêu trên, cụ P không có con riêng, con nuôi; cha mẹ cụ P đều đã chết trước cụ Phấn.

Di sản của cụ P để lại gồm đất và nhà gắn liền thửa đất số 38, tờ bản đồ số 22, diện tích 104m² (đất ở) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 027123 cấp ngày 13/02/2006 và Giấy công nhận quyền sở hữu nhà số 360775/XDSH cấp ngày 20/3/1988; đất tọa lạc tại khu phố 3, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Ngày 10/7/2008, cụ P đã lập di chúc để lại toàn bộ nhà và đất nêu trên cho ông Bùi Kim K và ông Bùi Thành D; di chúc được Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) thị trấn (nay là phường) Uyên Hưng chứng thực số 04, quyển số 01TP/CC-SCT/H ĐGD ngày 19/8/2008. Trên cơ sở di chúc do cụ P lập, ông K và ông D làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất; đến ngày 02/8/2012, ông K được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ: CH

00675 đối với thửa đất số 38, tờ bản đồ số 22, diện tích 104m² (ông K đại diện cho ông D theo bản thỏa thuận ngày 12/6/2012).

Vào khoảng năm 2003, vợ chồng ông Lê Quốc T, bà Ngô Thị E tự ý xây dựng lấn chiếm diện tích đất 4,7m² của thửa đất số 38 để xây dựng nhà ở; đến khoảng năm 2007, vợ chồng ông T, bà E tiếp tục lấn chiếm khoảng không gian của diện tích đất 8,6m² thuộc thửa đất số 38 để mở rộng nhà ở (gắn liền với nhà ở của ông T, bà E). Thời điểm ông T và bà E lấn đất, lấn chiếm khoảng không gian (để xây dựng, mở rộng nhà ở) thì cụ P còn sống, cụ P không có ý kiến gì về việc này.

Theo kết quả đo thực tế tại mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý số 259-2019 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Tân Uyên lập ngày 31/7/2019, ngày 06/10/2017, ngày 09/8/2019; ông K và ông D xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

- Buộc ông T, bà E phải tháo dỡ toàn bộ nhà vệ sinh, nhà ở với diện tích xây dựng 11,9m² để trả lại diện tích đất lấn chiếm là 4,7m².

- Buộc ông T, bà E phải tháo dỡ phần nhà ở với diện tích xây dựng là 14,1m² để trả lại phần không gian bị lấn chiếm của diện tích đất 8,6m².

Tại đơn khởi kiện phản tố ngày 25/9/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/10/2017, đơn phản tố ngày 12/3/2018, ngày 29/7/2019, bị đơn ông Lê Quốc T, bà Ngô Thị E trình bày:

Ông T, bà E thống nhất về quan hệ huyết thống và những người thừa kế ở hàng thứ nhất của cụ P như ý kiến của nguyên đơn.

Cụ P có nhà và quyền sử dụng đất gắn liền diện tích 126m²; vào khoảng năm 2000, cụ P cho ông T diện tích đất 22m² (ông T đăng ký và được cấp quyền sử dụng ngày 08/01/2007, thửa đất số 37), sau khi được cho thì vợ chồng ông T, bà E cất nhà ở trên đất. Diện tích đất còn lại cụ P đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/02/2006 (thửa 38, diện tích 104m²).

Nhà ông T, bà E (cất trên diện tích đất được cho 22m²) quá nhỏ, khó khăn trong sinh hoạt nên cụ P cho ông T thêm diện tích đất 4,7m² (của thửa đất 38 còn lại của cụ Phán) để xây thêm, mở rộng nhà ở; ông T, bà E xây dựng trên diện tích đất 4,7m² từ khoảng năm 2000 - 2001. Đến khoảng năm 2003, cụ P cho ông T, bà E xây dựng, mở rộng nhà ở trên khoảng không gian của thửa đất số 38, ông T và bà E xây dựng trên khoảng không gian của diện tích đất 8,6m². Mặc dù không làm giấy tờ nhưng cụ P xác định cho luôn ông T diện tích đất 4,7m² và khoảng không gian của diện tích đất 8,6m² ở trên. Ông T, bà E xây dựng, mở rộng nhà ở trên phần đất 4,7m² và phần không gian trên diện tích đất 8,6m² nhưng ông K, ông D không có ý kiến gì.

Sau khi cụ P qua đời, anh em ông T chưa làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế nhưng không biết bằng cách nào mà ông K, ông D đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên ông K và khởi kiện ông T để đòi lại diện tích đất 4,7m² và khoảng không gian 8,6m². Sau khi tranh chấp thì ông T, bà E biết

là có di chúc của cụ P vào ngày 10/7/2008 với nội dung để lại nhà đất cho ông K, ông Danh. Do đó, ông T, bà E có đơn khởi kiện, đơn phản tố với yêu cầu:

- Buộc ông K, ông D trả lại phần đất diện tích 13,72m² (diện tích đất 4,7m² ông T và bà E đã xây dựng và diện tích đất gắn liền phần không gian mà ông T, bà E đã xây dựng (xây trên phần không gian của diện tích đất 8,6m²).

- Yêu cầu Tòa án hủy bỏ di chúc do cụ Lê Thị Phấn lập ngày 10/7/2008, được UBND phường Uyên Hưng chứng thực ngày 19/8/2008 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ: CH 00765 do UBND huyện (nay là thị xã) Tân Uyên cấp cho ông Bùi Kim K ngày 02/8/2012; đồng thời chia di sản thừa kế do cụ Lê Thị Phấn để lại theo quy định của pháp luật thừa kế đối với diện tích đất 104m² và nhà gắn liền đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đại diện Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên trình bày: Theo hồ sơ lưu trữ, di chúc do cụ Lê Thị Phấn lập ngày 10/7/2008 được UBND thị trấn (nay là phường) Uyên Hưng chứng thực ngày 19/8/2008; trên cơ sở di chúc, UBND thị xã Tân Uyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00765 ngày 02/8/2012 cho ông Bùi Kim K (đồng thời là người đại diện cho ông Bùi Thành D) là đúng trình tự thủ tục. Đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của ông T, bà E theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên có Văn bản số 113/UBND-TP ngày 26/4/2018 xác định di chúc của cụ Lê Thị Phấn lập ngày 10/7/2008 là phù hợp với quy định của pháp luật về nội dung và hình thức; tại thời điểm lập di chúc, cụ Lê Thị Phấn có đủ sức khỏe, đủ năng lực hành vi dân sự theo Phiếu khám sức khỏe số 6204/GĐYK-SK ngày 27/3/2008 của Hội đồng giám định y khoa tỉnh Bình Dương. Bị đơn ông T cho rằng di chúc do cụ P lập là không đúng pháp luật vì cụ P lập di chúc trong lúc bị bệnh, trạng thái tinh thần không minh mẫn là không có cơ sở.

3. Bà Chế Thị Phương U (vợ của ông Bùi Thành D) trình bày: Thống nhất ý kiến của nguyên đơn; bà Uyên không đồng ý trước yêu cầu phản tố của bị đơn ông T, bà Em; đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Chị Lê Thị Minh P trình bày tại bản tự khai ngày 12/3/2018 như sau: Chị Phương là con của ông T, bà Em; nhà đất tranh chấp có phải là di sản thừa kế hay không thì chị không rõ, chị chỉ biết là do bà nội (cụ Lê Thị Phấn) cho cha mẹ khi bà nội còn sống.

Quá trình tố tụng: Bị đơn ông Lê Quốc T có yêu cầu phản tố bổ sung về việc buộc ông Bùi Kim K phải chia thừa kế theo pháp luật đối với số tiền đền bù đất 406.712.800 đồng (bốn trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm mười hai nghìn, tám trăm đồng) mà ông K đã nhận của cụ P theo văn bản ủy quyền nhận tiền đền bù đất ngày 02/8/2008.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 28/01/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Kim K, ông Bùi Thành D về việc buộc ông Lê Quốc T, bà Ngô Thị E phải trả lại diện tích đất 4,7m² (thuộc thửa đất số 38) và khoảng không gian nằm trên diện tích đất đo thực tế 9,3m² (thuộc thửa đất số 38).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bị đơn ông Lê Quốc T, bà Ngô Thị E.

Tuyên hủy một phần di chúc do cụ Lê Thị Phấn lập ngày 10/7/2008 (được Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) Uyên Hưng chứng thực ngày 19/8/2008); ông Lê Quốc T được tiếp tục sử dụng diện tích đất 4,7m² (thuộc thửa đất số 38) và khoảng không gian nằm trên diện tích đất đo thực tế 9,3m² (thuộc thửa đất số 38) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 612100 cấp cho ông Bùi Kim K ngày 02/8/2012.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Quốc T về việc hủy toàn bộ nội dung di chúc do cụ Lê Thị Phấn lập ngày 10/7/2008 (được Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) Uyên Hưng chứng thực ngày 19/8/2008) và chia thừa kế theo pháp luật đối với nhà, đất thuộc thửa số 38, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 612100 cấp cho ông Bùi Kim K ngày 02/8/2012.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Quốc T về việc chia thừa kế số tiền bồi thường đất 406.712.800 đồng (bốn trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm mười hai nghìn, tám trăm đồng).

3. Chi phí giám định: 3.560.000 đồng (ba triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng), ông Lê Quốc T phải chịu, khấu trừ tạm ứng đã nộp.

4. Về chi phí đo đạc, định giá: 8.355.000 đồng (tám triệu, ba trăm năm mươi năm nghìn đồng). Ông Bùi Kim K, ông Bùi Thành D phải chịu 4.177.500 đồng (bốn triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm đồng), khấu trừ tạm ứng đã nộp; bị đơn ông Lê Quốc T phải chịu 4.177.500 đồng (bốn triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm đồng), khấu trừ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đã nộp; ông Lê Quốc T còn phải chịu 1.177.500 đồng (một triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) để trả lại cho ông Bùi Kim K, ông Bùi Thành D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo; quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 01/02/2021, ông Lê Quốc T và bà Ngô Thị E kháng cáo yêu cầu chấp nhận yêu cầu của bị đơn, hủy di chúc của bà Phấn.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không rút đơn kháng cáo; Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn trình bày: Khi bị đơn biết được việc ông K được bà Phấn định đoạt toàn bộ tài sản là nhà đất và số tiền thu hồi đất được đền bù có sự không bình thường. Di chúc của bà Phấn lập ngày 10/7/2008

không bình thường và không minh bạch vì bà Phấn lúc đó trên 70 tuổi, bị bệnh liệt nửa người không đi lại. Về giấy xác nhận sức khỏe và phiếu khám sức khỏe của bà Phấn không rõ ràng, phía bị đơn đi xin bệnh án thì bệnh viện báo mất hồ sơ nên không còn lưu giữ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Di chúc của cụ P là đúng pháp luật, có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền vì các kết quả điều trị bệnh án của cụ P ở các bệnh viện thể hiện cụ P minh mẫn, sáng suốt. Về số tiền nhận đền bù, ông T thừa nhận được cho 30 triệu đồng nên không có cơ sở chia thừa kế nhà, đất và số tiền nêu trên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của phía bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do bản án dân sự sơ thẩm có kháng cáo của đương sự trong vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các đương sự đều thống nhất: Cụ Lê Thị Phấn có chung sống với cụ Huỳnh Hữu H (chết năm 2013) từ năm 1967 đến năm 1971, có 01 người con chung là ông Lê Quốc T; sau năm 1971, cụ P chung sống với cụ Bùi Văn T (chết năm 2005) có 02 con chung là ông Bùi Kim K và ông Bùi Thành D. Mặc dù có con chung nhưng cụ P không chính thức sống chung một nhà hoặc đăng ký kết hôn với bất kỳ ai; nhà, đất mà các đương sự tranh chấp là tài sản riêng của cụ Phấn, cụ P mua nhà và sinh sống với các con trên chính ngôi nhà này; cụ Huỳnh Hữu H, cụ Bùi Văn T sống với gia đình riêng của mình, không sống chung với cụ Phấn.

Ngoài những người con nêu trên, cụ P không có con riêng, con nuôi; cha mẹ cụ P đều đã chết trước cụ Phấn.

Ngày 08/12/2010, cụ Lê Thị Phấn chết; do đó, các thừa kế ở hàng thứ nhất của cụ P là ông Lê Quốc T, ông Bùi Kim K và ông Bùi Thành D.

[2.2] Di sản của cụ P để lại gồm đất và nhà gắn liền thửa đất số 38, tờ bản đồ số 22, diện tích 104m² (đất ở), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 027123 cấp ngày 13/02/2006 và Giấy công nhận quyền sở hữu nhà số 360775/XDSH cấp ngày 20/3/1988 (có tài liệu ghi năm 1998 là không đúng); đất tọa lạc tại khu phố 3, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Ngoài ra, theo yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông T thì vào năm 2008, cụ P được Công ty Cổ phần lâm sản xuất nhập khẩu tổng hợp Bình Dương bồi thường số tiền 406.712.800 đồng (bốn trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm mười hai

ngàn, tám trăm đồng) và 03 nền đất tái định cư (cụ P bị thu hồi diện tích 5.697m^2 do đất bị quy hoạch); 03 nền đất tái định cư đã phân chia cho ông T, ông Danh, ông K, mỗi người một nền nên không tranh chấp; cụ P ủy quyền cho ông K nhận 406.712.800 đồng tiền bồi thường.

[2.3] Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá (bút lục số 388 đến 395) và đo đạc thực tế của cơ quan có thẩm quyền (bút lục số 314) thì nhà, đất do cụ P để lại (Giấy công nhận quyền sở hữu nhà số 360775/XDSH cấp ngày 20/3/1988 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Lê Thị Phấn ngày 13/02/2006, thửa số 38; nay thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Bùi Kim K ngày 02/8/2012, thửa số 38).

- Diện tích thực tế của thửa đất số 38 do ông K, ông D quản lý như sau: $90,4 + 01$ (bản đồ thuộc thửa đất 36 của bà Kiên nhưng thực tế thuộc tường nhà của ông K) $+ 8,6 + 0,4 + 0,2 = 100,7\text{m}^2$; nhà gắn liền diện tích đất $90,4\text{m}^2$ (đã xây tường nhà bao quanh, ranh giới theo vách tường nhà cố định, không có tranh chấp về ranh giới đất với các thửa đất khác liền ranh).

- Diện tích đất do ông T quản lý của thửa đất số 38: $4,7\text{m}^2$ (có nhà xây 03 tầng trên đất của ông T, gắn liền nhà của thửa đất số 37 của ông T); ngoài ra ông T còn quản lý khoản không gian của thửa đất số 38 (xây nhà ở trên khoản không gian) diện tích đo thực tế: $8,6 + 0,3 + 0,4 = 9,3\text{m}^2$ (mặt đất của khoản không gian này là nhà vệ sinh của ông K, ông Danh).

[2.4] Biên bản định giá ngày 01/7/2020, Hội đồng định giá xác định nhà ở của vợ chồng ông T, bà E xây dựng trên thửa đất số 37 (diện tích 22m^2) + xây dựng trên diện tích đất $4,7\text{m}^2$ (thửa đất số 38 đang tranh chấp) + xây dựng trên khoảng không gian của diện tích đất $9,3\text{m}^2$ (thửa đất số 38 đang tranh chấp) là một khối gắn liền về kết cấu xây dựng, không thể tách rời phần xây dựng trên diện tích đất $4,7\text{m}^2$ và phần xây dựng trên khoảng không gian $9,3\text{m}^2$ để định giá.

Người đại diện hợp pháp của ông K và ông D trình bày tại tòa sơ thẩm:

Diện tích đất bị thu hồi 5.697m^2 và được bồi thường số tiền 406.712.800 đồng (bốn trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm mười hai ngàn, tám trăm đồng) + 03 nền đất tái định cư: Quyền sử dụng đất là của cụ Phấn, cụ P ủy quyền cho ông K nhận đất tái định cư và tiền bồi thường; cụ P yêu cầu ông K chia đất tái định cư cho ông T 01 nền và 30.000.000 đồng tiền bồi thường; 02 nền tái định cư còn lại cho ông K, ông Danh, mỗi người một nền; số tiền 406.712.800 đồng ông K được ủy quyền nhận theo biên nhận ngày 02/10/2008, sau khi nhận tiền ông K giao lại cho cụ Phấn, thời điểm này cụ P còn khỏe mạnh nên cụ P tự định đoạt, tiêu xài trong thời gian bị bệnh cho đến khi qua đời ngày 08/12/2010; khi cụ P qua đời thì tiền bồi thường đất không còn.

Ngày 10/7/2008, cụ P đã lập di chúc để lại toàn bộ nhà và đất nêu trên cho ông Bùi Kim K và ông Bùi Thành D; di chúc được UBND thị trấn (nay là phường) Uyên Hưng chứng thực số 04, quyền số 01TP/CC-SCT/H ĐGD ngày 19/8/2008. Trên cơ sở di chúc do cụ P lập, ông K và ông D làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất; đến ngày 02/8/2012, ông K (ông K đại diện cho ông D theo

bản thỏa thuận ngày 12/6/2012) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ: CH 00765 đối với thửa đất số 38, tờ bản đồ số 22, diện tích 104m²; ông K, ông D xác định di chúc hợp pháp nên không đồng ý với yêu cầu hủy bỏ di chúc để chia thừa kế như yêu cầu của ông T. Đối với diện tích đất 4,7m²: Cụ P cho ông T xây dựng khoảng năm 2003; khoảng không gian của diện tích đất 9,3m² (của thửa đất số 38): Cụ P cho ông T xây dựng khoảng năm 2007. Tuy nhiên, cụ P cho xây dựng tạm, không cho luôn nên khi lập di chúc cụ P giao lại cho ông K, ông D và ông K đã được cấp quyền sử dụng đất nên ông K, ông D yêu cầu ông T, bà E tháo dỡ nhà trả lại 4,7m² đất và khoảng không gian của diện tích đất 9,3m².

Vợ chồng ông T, bà E trình bày: Thửa đất số 37 mà ông T, bà E đang sử dụng (có nhà ở trên đất của ông T, bà Em) có nguồn gốc do cụ P cho ông T vào khoảng năm 2000, ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/01/2007, diện tích 22m²; do diện tích quá nhỏ, nên vào khoảng năm 2000 - 2003 cụ P cho thêm ông T 4,7m² của thửa đất số 38 (của cụ P và đang tranh chấp) để xây dựng nơi rộng nhà ở, đồng thời cùng thời điểm trên cụ P cho ông T xây dựng nơi rộng nhà ở trên phần không gian 8,6m² (đo thực tế 9,3m²) của thửa đất số 38. Mặc dù cho không lập giấy tờ nhưng cho đến khi chết, cụ P cũng không có ý kiến đòi lại hay tranh chấp.

Theo hồ sơ bệnh án do Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bình Dương và chứng cứ do Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương cung cấp thì cụ P bị bệnh liệt nửa người do tai biến mạch máu não từ tháng 10/2007; từ thời điểm này cho đến khi chết ngày 08/12/2010 thì cụ P không còn tỉnh táo, minh mẫn nên việc cụ P lập di chúc, cơ quan có thẩm quyền chứng thực di chúc đều bất hợp pháp, di chúc không đúng ý chí của cụ Phấn. Cũng vì lý do sức khỏe như trên nên cụ P ủy quyền cho ông K nhận số tiền bồi thường 406.712.800 đồng (bốn trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm mười hai nghìn, tám trăm đồng); sau khi nhận tiền bồi thường thì ông K có đưa ông T 30.000.000 đồng, sửa nhà một ít (không biết bao nhiêu), số tiền còn lại ông K chiếm giữ.

Do đó, đề nghị hủy bỏ di chúc của cụ P và chia thừa kế theo pháp luật nhà, đất và tiền bồi thường đất theo quy định của pháp luật.

[2.5] Xét ý kiến của hai bên đương sự và chứng có trong hồ sơ, thấy rằng:

Chứng cứ do Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương cung cấp thì cụ P nhập viện ngày 08/10/2007, xuất viện ngày 20/10/2007 (hồ sơ lưu hết hạn nên đã tiêu hủy); hồ sơ bệnh án do Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bình Dương cung cấp thì cụ P nhập viện ngày 23/11/2007 và xuất viện ngày 10/12/2007, điều trị bệnh “bị liệt nửa người do tai biến mạch máu não”; đến ngày 10/12/2007 được khám lại bác sỹ ghi nội dung: “*Bệnh đỡ, ăn ngủ khá hơn, chưa đi lại được, tính tiếp xúc tốt, uống thuốc theo toa...*” và cho xuất viện. Với chứng cứ như trên thì chưa đủ căn cứ xác định thời điểm cụ P lập di chúc (di chúc lập ngày 10/7/2008, được UBND thị trấn (nay là phường) Uyên Hưng chứng thực ngày 19/8/2008) cụ P bị mất năng lực hành vi dân sự; không có căn cứ chứng minh cụ P bị ép buộc hoặc

bị lừa dối lập di chúc trái với ý chí của cụ Phấn. Tại Giấy khám sức khỏe số 6204 ngày 09/7/2008, Hội đồng giám định y khoa tỉnh Bình Dương kết luận cụ P có đủ sức khỏe để lập di chúc. Văn bản số 354/TTYT-TCHC ngày 24/7/2018 của Trung tâm Y tế thị xã Tân Uyên xác định thời gian bác sỹ kết luận khám sức khỏe ngày 09/7/2008 là phù hợp. Văn bản số 113/UBND-TP ngày 26/4/2018, UBND phường Uyên Hưng xác định việc chứng thực di chúc của cụ P là đúng quy định của pháp luật về nội dung và hình thức, thời điểm lập di chúc cụ P có đủ sức khỏe, đủ năng lực hành vi dân sự, có kết luận của Hội đồng giám định y khoa. Tại Kết luận giám định số 28/GĐ-PC09 ngày 08/3/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Dấu vân tay trong di chúc và chữ ký trên giấy khám sức khỏe là của chính cụ Phấn.

Mặc dù, giấy khám sức khỏe, di chúc được lập và được cơ quan có thẩm quyền kết luận, chứng thực vào những ngày cách xa nhau, chưa đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định nhưng cũng chưa có chứng cứ nào xác thực tại thời điểm lập di chúc cụ P bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị lừa dối, bị ép buộc trái với ý chí của cụ Phấn. Thực tế thì cụ P có 03 người con, ông T là con lớn có gia đình riêng và được cụ P tách ra cho diện tích đất 22m² để cất nhà ở từ năm 2000; nhà, đất còn lại cụ P sống chung với 02 người con còn lại là ông K và ông Danh; từ khi già yếu bệnh tật cho đến khi qua đời, cụ P sống với ông K và được ông K chăm sóc, nuôi dưỡng. Vào năm 2008, một phần đất khác của cụ P bị quy hoạch, khi được bồi thường 03 nền đất tái định cư thì cụ P đã cho ông T, ông K và ông Danh, mỗi người một nền; sau khi nhận số tiền bồi thường 406.712.800 đồng (bốn trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm mười hai nghìn, tám trăm đồng), cụ P cũng cho ông T 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); nhận tiền bồi thường đất xong thì đến hơn 02 năm sau cụ P mới chết, trong thời gian này cụ P già yếu, bệnh tật, ông K là người trực tiếp nuôi dưỡng cụ Phấn. Như vậy, tài sản của cụ P do cụ P định đoạt và đã phân chia cho 03 người con, người nào cũng có phần; dù mỗi phần không bằng nhau nhưng việc phân chia tài sản của cụ P cũng là tương đối công bằng, có xem xét đến công sức chăm sóc lúc già yếu bệnh tật của cụ Phấn. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông T cũng không chứng minh được tại thời điểm cụ P chết thì cụ P còn để lại “tiền bồi thường đất”.

Với phân tích trên, ông T, bà E yêu cầu hủy di chúc đồng thời yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với nhà, đất và tiền bồi thường đất của cụ P là không có cơ sở để chấp nhận.

Tuy nhiên, đối với diện tích đất 4,7m² (có nhà trên đất của ông T, bà Em) và khoảng không gian 9,3m² (nhà của ông T trên khoảng không gian 9,3m²): Các đương sự đều thừa nhận từ thời điểm còn sống, khoảng năm 2000 – 2007, cụ P cho ông T xây dựng nhà ở trên diện tích đất 4,7m² và xây dựng trên phần không gian gắn liền, phần không gian nằm trên diện tích đất 9,3m² (mặt đất của diện tích 9,3m² gắn liền nhà cụ Phấn, hiện do vợ chồng ông K quản lý, sử dụng làm nhà vệ sinh).

Di chúc do cụ P lập ngày 10/7/2008 (được UBND thị trấn (nay là phường) Uyên Hưng chứng thực ngày 19/8/2008) có nội dung để lại cho ông K, ông D

toàn bộ diện tích đất của thửa đất số 38 (diện tích 104m²) là đã bao gồm diện tích 4,7m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ P ngày 13/02/2006). Tuy nhiên, thời điểm này thì phần diện tích 4,7m² đã có nhà ở của vợ chồng ông T, bà E và do ông T, bà E sử dụng (được cụ P cho xây dựng để mở rộng nhà ở từ năm 2000-2003); di chúc không đề cập đến diện tích 4,7m², cho đến khi chết tháng 12/2010 cụ P cũng không có ý chí đòi ông T, bà E trả lại diện tích đất này. Do đó, cần tuyên hủy một phần nội dung di chúc liên quan đến diện tích đất 4,7m², ông T được quyền sử dụng diện tích 4,7m² này (và phải có nghĩa vụ đăng ký nhập vào thửa đất số 37 hiện tại của ông T).

Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K ngày 02/8/2012 là do ông K đăng ký cấp đất theo di chúc; do đó, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cơ quan có thẩm quyền cần xử lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông K theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013.

Tương tự là khoảng không gian nằm trên diện tích đất 9,3m², khoảng không gian này được ông T xây dựng mở rộng nhà ở và là một khối thống nhất không tách rời với nhà ở của ông T (nên không tách rời ra để định giá được); từ thời điểm năm 2000 - 2007 cho đến khi cụ P chết (năm 2010) hoàn toàn không có căn cứ nào để thể hiện ý chí của cụ P về việc đòi ông T phải trả lại khoảng không gian nằm trên diện tích đất 9,3m². Do đó, quan điểm của ông K, ông D không thể hiện ý chí của cụ P khi còn sống. Bộ luật Dân sự năm 1995 và năm 2005 đều không quy định về quyền và nghĩa vụ đối với khoảng không gian mà các bên tranh chấp; áp dụng tương tự các Điều: 267, 268, 269 và khoản 1 Điều 271 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để xem xét về quyền và nghĩa vụ đối với khoảng không gian (quyền bề mặt) của các đương sự, theo đó cần để cho ông T tiếp tục sử dụng khoản không gian (đã làm nhà ở) 9,3m² của thửa đất số 38 (do ông K đứng tên quyền sử dụng, thừa kế theo di chúc của cụ P sau ngày 08/12/2010).

Từ những nhận định trên, yêu cầu đòi lại diện tích đất 4,7m² và khoảng không gian nằm trên diện tích đất 9,3m² (thửa đất số 38, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông K ngày 02/8/2012) của ông K, ông D không được chấp nhận. Yêu cầu khởi kiện về việc hủy di chúc do cụ P lập ngày 10/7/2008 của ông T, bà E được chấp nhận một phần (đối với diện tích đất 4,7m²); yêu cầu phản tố về việc chia thừa kế tiền bồi thường đất của ông T không được chấp nhận. Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T, bà E và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương được chấp nhận một phần.

[3]. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy, với nhận định như nêu trên của tòa án cấp sơ thẩm là hoàn toàn có căn cứ pháp luật, các đương sự kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phúc thẩm.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các đương sự không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Điều 667 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 643 của Bộ luật Dân sự năm 2015); các Điều: 267, 268, 269 và khoản 1 Điều 271 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 26, khoản 2 Điều 37; các Điều: 147, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Kim K, ông Bùi Thành D về việc buộc ông Lê Quốc T, bà Ngô Thị E phải trả lại diện tích đất 4,7m² (thuộc thửa đất số 38) và khoảng không gian nằm trên diện tích đất đo thực tế 9,3m² (thuộc thửa đất số 38).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bị đơn ông Lê Quốc T, bà Ngô Thị E.

Tuyên hủy một phần di chúc do cụ Lê Thị Phấn lập ngày 10/7/2008 (được Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) Uyên Hưng chứng thực ngày 19/8/2008); ông Lê Quốc T được tiếp tục sử dụng diện tích đất 4,7m² (thuộc thửa đất số 38) và khoảng không gian nằm trên diện tích đất đo thực tế 9,3m² (thuộc thửa đất số 38) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 612100 cấp cho ông Bùi Kim K ngày 02/8/2012.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Quốc T về việc hủy toàn bộ nội dung di chúc do cụ Lê Thị Phấn lập ngày 10/7/2008 (được Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) Uyên Hưng chứng thực ngày 19/8/2008) và chia thừa kế theo pháp luật đối với nhà, đất thuộc thửa số 38, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 612100 cấp cho ông Bùi Kim K ngày 02/8/2012.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Quốc T về việc chia thừa kế số tiền bồi thường đất 406.712.800 đồng (bốn trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm mười hai nghìn, tám trăm đồng).

3. Chi phí giám định: 3.560.000 đồng (ba triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng), ông Lê Quốc T phải chịu, khấu trừ tạm ứng đã nộp.

4. Về chi phí đo đạc, định giá: 8.355.000 đồng (tám triệu, ba trăm năm mươi năm nghìn đồng). Ông Bùi Kim K, ông Bùi Thành D phải chịu 4.177.500 đồng (bốn triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm đồng), khấu trừ tạm

ứng đã nộp; bị đơn ông Lê Quốc T phải chịu 4.177.500 đồng (bốn triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm đồng), khấu trừ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đã nộp; ông Lê Quốc T còn phải chịu 1.177.500 đồng (một triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) để trả lại cho ông Bùi Kim K, ông Bùi Thành D.

Ông Lê Quốc T và bà Ngô Thị E phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng án phí tạm nộp theo biên lai thu số 0044897 ngày 03/02/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hùng

Hoàng Minh Thịnh

Trần Xuân Minh

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Đường sự;
- Lưu: HS, VP (Án-TLQ).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Minh